TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐIỆN BÀN** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 121/2019/QĐST-HNGĐ	*Điện Bàn, ngày 03 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ các Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 117/2019/TLST-VDS ngày 25 tháng 6 năm 2019 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà Phạm Thị Ngọc V – Sinh năm 1983.

Nơi cư trú: Khối 6, phường V, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

2. Ông Phạm Hưng N – Sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Ngọc V và ông Phạm Hưng N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam vào ngày 18 tháng 3 năm 2019. Quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị Ngọc V và ông Phạm Hưng N là hợp pháp. Quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Phạm Thị Ngọc V và ông Phạm Hưng N thuận tình ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Hồng Uyển N – Sinh ngày 19 tháng 10 năm 2018.

Các đương sự thỏa thuận:

Giao con Phạm Hồng Uyển N cho bà Phạm Thị Ngọc V trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Phạm Hưng N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Phạm Hồng Uyển N hàng tháng số tiền là 3.000.000đ (ba triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 07 năm 2019 cho đến khi con Phạm Hồng Uyển N đủ 18 tuổi.

Ông Phạm Hưng N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Tự giải quyết.

[4] Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: bà Phạm Thị Ngọc V và ông Phạm Hưng N chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con của các đương sự hoàn toàn tự nguyện, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, biên bản ghi nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận việc nuôi con, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Ngọc V và ông Phạm Hưng N thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Hồng Uyển N – Sinh ngày 19 tháng 10 năm 2018.

Các đương sự thỏa thuận:

Giao con Phạm Hồng Uyển N cho bà Phạm Thị Ngọc V trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Phạm Hưng N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Phạm Hồng Uyển N hàng tháng số tiền là 3.000.000đ (ba triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 07 năm 2019 cho đến khi con Phạm Hồng Uyển N đủ 18 tuổi.

Ông Phạm Hưng N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Tự giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Phạm Thị Ngọc V và ông Phạm Hưng N chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), tại biên lai thu số 0001974, ngày 25 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

Bà Phạm Thị Ngọc V và ông Phạm Hưng N đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định lại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Trong trường hợp bản án, Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thị xã Điện Bàn;
- Chi cục THADS thị xã Điện Bàn;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Văn Sinh